

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐL
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST

Ngày: 11 - 7 - 2022

Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thương

Bà Đinh Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân D huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát V.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST-DS, ngày 29/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị V, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 509, đường ĐH Mê Pu-ĐK, tổ 3, thôn 8, xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số nhà 8, đường ĐH Mê Pu-ĐK, tổ 3, thôn 8, xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 509, đường ĐH Mê Pu-ĐK, tổ 3, thôn 8, xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

4. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Quang V2, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông V2, còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/3/2020 bà Bùi Thị V có cho bà Đoàn Thị N vay số tiền 37.600.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng*) nhằm trang trải cuộc sống gia đình. Các bên không thỏa thuận thời hạn trả, cũng không thỏa thuận tiền lãi. Tuy nhiên, sau khi vay cho đến nay bà N không trả cho bà V số tiền nào mặc dù bà V đã yêu cầu. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả cho bà V, ông D số tiền nợ vay 37.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi 10%/năm với số tiền là 6.893.333 đồng (*Sáu triệu tám trăm chín mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Tại phiên trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu trả lãi chỉ yêu cầu bà N trả cho bà V, ông D số tiền nợ vay 37.600.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng*). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Theo hồ sơ vụ án tại biên bản lấy lời khai của đương sự (bút lục số 41) bị đơn bà Đoàn Thị N trình bày:

Trước đây bà Đoàn Thị N có vay của bà Vũ Thị V số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để làm ăn. Tuy nhiên, do không hiệu quả nên bà N mất khả năng thanh toán cho bà V. Sau đó các bên tính toán và xác định tính đến ngày 20/3/2020 số tiền gốc và lãi bà N thiếu bà V là 37.000.000 đồng. Sau đó bà V viết giấy và bà N ký nhận mượn số tiền 37.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận thời hạn trả, cũng không thỏa thuận lãi suất. Nhưng từ đó đến nay bà N vẫn chưa trả cho bà V được số tiền nào. Bà N chấp nhận trả cho bà V số tiền 37.000.000 đồng, còn tiền lãi

không chấp nhận do các bên không có thỏa thuận. Tuy nhiên do khó khăn nên bà N sẽ trả sau; bà N có chồng là ông Trương Văn H, nhưng ông H đã chết năm 1995. Bà N thừa nhận chữ ký tại giấy mượn tiền là của bà.

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thông nhất như yêu cầu khởi kiện của bà V, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bà N phải trả cho bà V, ông D số tiền nợ 37.600.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng*) và đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Đoàn Thị N hiện cư trú tại thôn 8, xã ĐK, huyện ĐL nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân D huyện DL, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng D sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo đơn khởi kiện, chứng cứ do các đương sự cung cấp, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định quan hệ cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng D sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng không có lý do. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu rút nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi:

Tại phiên Tòa trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại tiền lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện nên được Tòa án chấp nhận. Cần đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả số tiền gốc:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ vay, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền (bút lục số 48). Tại biên bản lấy lời khai của đương sự (bút lục số 41) bà N thừa nhận ngày 20/3/2020 bà có viết giấy mượn bà V tiền, chữ ký tại giấy mượn tiền là của bà nên đây là sự thật không cần phải chứng minh.

Theo nguyên đơn số tiền bà N vay là 37.600.000 đồng, trong khi bà N xác định là 37.000.000 đồng. Căn cứ vào giấy viết tay do nguyên đơn cung cấp thấy rằng ở phần số ghi “37.000”, không xác định đơn vị, phần chữ ghi “*ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng*”, phía dưới ghi tên “N”. Bà N thừa nhận đây là chữ ký của bà, nên có cơ sở xác định chữ viết của bà V và chữ ký của bà N được thực hiện cùng thời điểm ngày 20/3/2020, phần chữ là giải thích cho phần số. Nên đủ cơ sở

xác định số tiền mà bà N vay bà V ngày 20/3/2020 là 37.600.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng*), chứ không phải là 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*) như bà N khai nhận. Bà N thừa nhận sau khi viết giấy vay tiền cho đến nay chưa trả cho bà V số tiền nào, nên yêu cầu của bà V là có cơ sở chấp nhận. Việc bà N khai nại cho rằng do làm ăn không hiệu quả nên mất khả năng thanh toán nên khi nào có trả, thế nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, cần buộc bà N trả cho bà V, ông D số tiền nợ vay là phù hợp.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL tại phiên tòa đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Đoàn Thị N là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, nhưng không có đơn đề nghị miễn nộp án phí, đồng thời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay là có căn cứ chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 357, 463, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

1. Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị V đối với bà Đoàn Thị N phải trả số tiền nợ vay ngày 20/3/2020.

- Buộc bà Đoàn Thị N phải trả cho bà Vũ Thị V, ông Lê Văn D số tiền nợ vay 37.600.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bà Vũ Thị V, ông Lê Văn D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Đoàn Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ, thì bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị V đối với bà Đoàn Thị N phải trả số tiền lãi 6.893.333 đồng (*Sáu triệu tám trăm chín mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

2. Về án phí:

+ Bà Vũ Thị V không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí 1.112.000 đồng (*một triệu một trăm mười hai ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009131, ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DL.

+ Bà Đoàn Thị N phải chịu 1.880.000 đồng (*một triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự, người đại diện của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/7/2022); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐL;
- Các đương sự;
- C.C. THA.DS huyện ĐL;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Trường